HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24 /NQ-HĐND	*Thạnh Trị, ngày 15 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024, huyện Thạnh Trị (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 07/11/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị về điều chỉnh , bổ sung dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn giai đoạn 2021-2025, huyên Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 07/11/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị về việc điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý);

Xét Tờ trình số 1641/TTr-UBND ngày 30/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 trên địa bàn huyện Thạnh Trị, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là **27.475,644 triệu đồng**, xây dựng 17 công trình (trong đó: 03 công trình chuyển tiếp và 14 công trình khởi công mới), từ các nguồn sau:

- Vốn phân cấp ngân sách huyện: 26.419 triệu đồng (xây dựng 13 công trình, trong đó: triển khai khởi công mới 10 công trình và 03 công trình chuyển tiếp)

- Nguồn vốn ngân sách huyện đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024, với số vốn 1.056,644 triệu đồng.

Trong đó:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 340 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 716,644 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 1, 2 đính kèm)

Điều 2.

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp khi được Trung ương, tỉnh giao vốn đầu tư có thay đổi so với Nghị quyết này hoặc đối với công trình cấp bách, bức xúc khác trên địa bàn, Ủy ban nhân dân huyện trao đổi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện trong kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị khóa XII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Sơn Sương

Nơi nhận:
- TT.HĐND - UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT. Huyện Ủy - TT.UBND huyện;
- Đ/b HĐND huyện;
- các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- HĐND và UBND các xã (TT);
- Lưu: VT, NC.

Phụ lục 1

PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND, ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				Tổng số	*Trong đó:*		
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3				5	6	7	8			19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ							**17.250**	**17.250**	**17.250**		**26.419**	**26.419**			
	Cân đối ngân sách địa phương							**17.250**	**17.250**	**17.250**		**23.419**	**23.419**			
	Dự án chuyển tiếp							**17.250**	**17.250**	**17.250**		**7.259**	**7.259**			
	NGÀNH/ LĨNH VỰC GIAO THÔNG							**12.350**	**12.350**	**12.350**		**5.135**	**5.135**			
1	Lộ từ cầu ấp 23, Vĩnh Thắng - Trường tiểu học Vĩnh Thắng	Xã Vĩnh thành		8005336	292	2023-2024	624/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	5.510	5.510	5.510		3.177	3.177			
2	Lộ Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2 - Quang Vinh	xã Châu Hưng	KBNN huyện Thanh Trì	8000861	292	2023-2024	593/QĐ-UBND ngày 19/11/2022	6.840	6.840	6.840		1.958	1.958			
	NGÀNH/ LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							**4.900**	**4.900**	**4.900**		**2.124**	**2.124**			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				Tổng số	*Trong đó:*		
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3				5	6	7	8			19	20	21	22	23
3	Xây dựng khu B của Huyện uỷ	TT Phú Lộc	KBNN huyện Thạnh Trị		341	2023-2024		4.900	4.900	4.900		2.124	2.124			2023-2024 (Để sắp xếp lại nơi làm việc cho Ban Tổ chức Huyện uỷ)- (Vốn CĐNSĐP, tăng thu)
	Các dự án khởi công mới năm 2024											**16.160**	**16.160**			
	Dự án nhóm C											***16.160***	***16.160***			
	NGÀNH GIAO THÔNG											**16.160**	**16.160**			
1	Cầu Bào Lớn (giáp ấp Chắc Đốt)	TT Phú Lộc	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024		2.500	2.500	2.500		2.500	2.500			
2	Lộ Phú Tân mở rộng (cặp sông bên phải giáp Tuân Tức)	TT Phú Lộc	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024-2025		3.580	3.580	3.580		3.460	3.460			
3	Làm mới lộ ấp Số 8 từ nhà ông Ngô Sang - Danh Hiền (Giáp đình Số 8)	TT Hưng Lợi	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024		1.950	1.950	1.950		1.950	1.950			
4	Lộ Kênh ông tà (4 Hà -2 ấn), ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024		2.300	2.300	2.300		2.300	2.300			
5	Lộ 4 có - 6 Nho, ấp 14	xã Vĩnh Lợi	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024		1.289	1.289	1.289		1.289	1.289			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP				Tổng số	*Trong đó:*		
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	*Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3				5	6	7	8			19	20	21	22	23
6	Đường ấp X2 - X7 A nối tiếp (Nhà Út Nghĩa - nhà ông 7 cười)	xã Thạnh Trị	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024		1.050	1.050	1.050		1.050	1.050			
7	Cầu Lung Húc	xã Thạnh Trị	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024		900	900	900		900	900			
8	Lộ kênh Xóm cá (bên sông)	ấp 21, xã Thạnh Tân	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024-2025		3.200	3.200	3.200		1.354	1.354			
9	Lộ đal Sakeo (cầu Thanh Niên - nhà Ông Lùng)	xã Lâm Tân	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024-2025		3.465	3.465	3.465		1.357	1.357			
	Nguồn vốn Thu tiền sử dụng đất											**3.000**	**3.000**			
10	Lộ Liên ấp Kiết Bình-Kiết Thống	xã Lâm Kiết	KBNN huyện Thạnh Trị		292	2024-2025		7.294	7.294	7.294		3.000	3.000			

Phụ lục 2

PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số: 24./NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
									Ngân sách trung ương	Ngân sách huyện						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18
Nguồn ngân sách huyện								**7.529,772**	**6.813,128**	**716,644**	**2.890,752**		**1.056,644**			
*	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**							-			**2.174,108**		**340,000**			
I	Hỗ trợ đất ở										217,335		60,000			
II	Hỗ trợ nhà ở										1.956,773		280,000			
III	Hỗ trợ đất sản xuất										0,000		0,000			
*	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số**							**7.529,772**	**6.813,128**	**716,644**	**716,644**		**716,644**			
-	**Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số**							**7.529,772**	**6.813,128**	**716,644**	**716,644**		**716,644**			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó*		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ động xây dựng cơ bản	
									Ngân sách trung ương	Ngân sách huyện						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18
√	**Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn**							**7.529,772**	**6.813,128**	**716,644**	**716,644**		**716,644**			
*	**Dự án khởi công mới**							**7.529,772**	**6.813,128**	**716,644**	**716,644**		**716,644**			
1	Cầu kênh 10 thước 1	xã Thạnh Tân	KBNN huyện Thạnh Trị	8053982	280-292	2024	2663/QĐ-UBND, 13/10/2023	1.140,000	1.036,000	104,000	104,000		104,000			
2	Cầu Kênh Huyện Tự	xã Thạnh Tân	KBNN huyện Thạnh Trị	8053842	280-292	2024	2662/QĐ-UBND, 13/10/2023	1.199,000	1.089,800	109,200	109,200		109,200			
3	Lộ kênh Ba Huê	thị trấn Hưng Lợi	KBNN huyện Thạnh Trị	8053844	280-292	2024	2665/QĐ-UBND, 13/10/2023	2.130,772	1.905,328	225,444	225,444		225,444			
4	Lộ Trung Thống - Tân Định	xã Tuân Tức	KBNN huyện Thạnh Trị	8053843	280-292	2024	2665/QĐ-UBND, 13/10/2023	3.060,000	2.782,000	278,000	278,000		278,000			